

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28/6/2022.

V/v: Tranh chấp xin ly hôn và
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Kiệt**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Lê Văn Thuyền**;

2/ Ông **Nguyễn Thành Đến**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thái Kim Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Lê Huyền Mao** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 06 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân xét xử công khai vụ án thụ lý số: 165/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 05 năm 2022 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 06 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thị Kim T**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp T, xã NH, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn Đ**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp T, xã NH, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị T và anh Đ vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/04/2022 và biên bản lấy lời khai ngày 17/05/2022, nguyên đơn chị Thị Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2013, chị T và anh Đ có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 27/7/2013. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 01 năm nay. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ.

Về con chung: Chị T xác định trong thời gian chung sống giữa chị và anh Đ có 02 người con chung là cháu Huỳnh Thị Ngân Khánh, sinh ngày 20/04/2014 và cháu Huỳnh Đức Thành, sinh ngày 07/02/2020. Hiện tại cháu Khánh và cháu Thành đang sống chung với anh Đ. Chị T đồng ý giao cháu Huỳnh Thị Ngân Khánh, sinh ngày 20/04/2014 và cháu Huỳnh Đức Thành, sinh ngày 07/02/2020 cho anh Đ nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị T xác định giữa chị và anh Đ không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20/5/2022, bị đơn anh Huỳnh Văn Đ trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 01 năm nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh Đ thì anh Đ đồng ý.

Về con chung: Anh Đ xác định giữa anh và chị T có 02 người con chung là cháu Huỳnh Thị Ngân Khánh, sinh ngày 20/04/2014 và cháu Huỳnh Đức Thành, sinh ngày 07/02/2020. Hiện tại cháu Khánh và cháu Thành đang sống chung với anh Đ. Anh Đ yêu cầu được nuôi cháu Huỳnh Thị Ngân Khánh, sinh ngày 20/04/2014 và cháu Huỳnh Đức Thành, sinh ngày 07/02/2020 và anh không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Anh Đ xác định giữa anh và chị T không có tài sản chung và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thị Kim T và anh Huỳnh Văn Đ.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Huỳnh Thị Ngân Khánh, sinh ngày 20/04/2014 và cháu Huỳnh Đức Thịnh, sinh ngày 07/02/2020 cho anh Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng chị được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Thị Kim T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Huỳnh Văn Đ có nơi đăng ký thường trú tại ấp T, xã NH, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn chị Thị Kim T và bị đơn anh Huỳnh Văn Đ tuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị T và anh Đ.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2013, chị Thị Kim T và anh Huỳnh Văn Đ có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống, chị T và anh Đ đều xác định có xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng anh chị lúc sống chung thường xuyên cự

cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và anh chị đã sống ly thân với nhau khoảng 01 năm nay. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đ thì anh Đ cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do chị T và anh Đ đã sống ly thân với nhau khoảng 01 năm nay và không liên hệ gì với nhau. Đồng thời tại biên bản lấy lời khai ngày 20/05/2022 của Tòa án với anh Đ thì anh Đ đồng ý ly hôn với chị T. Mặc dù anh Đ đồng ý ly hôn với chị T nhưng khi tiến hành hòa giải để giải quyết vụ án thì anh Đ vắng mặt nên không thể lập biên bản về việc ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành giữa chị T và anh Đ để Tòa án ra Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh chị được nên Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Vì vậy khi xét xử vụ án, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thị Kim T và anh Huỳnh Văn Đ.

[5] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh Đ đều xác định giữa anh chị có 02 người con chung là cháu Huỳnh Thị Ngân Khánh, sinh ngày 20/04/2014 và cháu Huỳnh Đức Thịnh, sinh ngày 07/02/2020. Hiện tại cháu Khánh và cháu Thịnh đang sống chung với anh Đ. Chị T xác định chị đồng ý giao cháu Huỳnh Thị Ngân Khánh, sinh ngày 20/04/2014 và cháu Huỳnh Đức Thịnh, sinh ngày 07/02/2020 cho anh Đ nuôi dưỡng và anh Đ cũng yêu cầu được nuôi cháu Huỳnh Thị Ngân Khánh, sinh ngày 20/04/2014 và cháu Huỳnh Đức Thịnh, sinh ngày 07/02/2020 và anh không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Khánh và cháu Thịnh hiện đang sống ổn định với anh Đ, các cháu đã có môi trường và cuộc sống ổn định, đồng thời cháu Khánh cũng có nguyện vọng được theo sống chung với anh Đ. Vì vậy Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Huỳnh Thị Ngân Khánh, sinh ngày 20/04/2014 và cháu Huỳnh Đức Thịnh, sinh ngày 07/02/2020 cho anh Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Khánh và cháu Thịnh nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản: Chị T và anh Đ xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị Kim T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thị Kim T và anh Huỳnh Văn Đ.

2/ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Huỳnh Thị Ngân Khánh, sinh ngày 20/04/2014 và cháu Huỳnh Đức Thịnh, sinh ngày 07/02/2020 cho anh Huỳnh Văn Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Thị Kim T không phải cấp dưỡng nuôi cháu cháu Khánh và cháu Thịnh nhưng chị được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Thị Kim T phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng chị Thị Kim T đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006333 ngày 17/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Kiệt

